

Điều 2. Các Hội chuyên ngành xây dựng có tên trong Quyết định này được tổ chức, hoạt động theo Điều lệ của Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt và chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong hoạt động của Hội.

Các Hội chuyên ngành xây dựng có tên trong Quyết định tự lo liệu kinh phí và phương tiện hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chủ tịch các Hội chuyên ngành xây dựng có tên trong Quyết định, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

DANH SÁCH CÁC HỘI CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG LÀ THÀNH VIÊN CỦA TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM ĐƯỢC BỘ NỘI VỤ CHO PHÉP THÀNH LẬP

(kèm theo Quyết định số 57/2004/QĐ-BNV ngày 30/8/2004).

1. Hội Kết cấu và Công nghệ Xây dựng Việt Nam
2. Hội Công nghiệp Bê tông Việt Nam
3. Hội Cảng - Đường thủy - Thềm Lục địa Việt Nam

4. Hội Tin học Xây dựng Việt Nam
 5. Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam
 6. Hội Môi trường Đô thị Việt Nam
 7. Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam
 8. Hội Cơ học đất và Địa kỹ thuật công trình Việt Nam
 9. Hội Kinh tế Xây dựng Việt Nam
 10. Hội Khoa học Kỹ thuật Công trình Hàng không Việt Nam
 11. Hội Chiếu sáng Đô thị Việt Nam
- (Tổng số: 11 hội)/.

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 07/2004/TT-BTM
ngày **26/8/2004** hướng dẫn phân loại chi tiết nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu trong 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thương mại hướng dẫn phân loại chi tiết nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1.1. Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) được cấp Giấy phép đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn dưới đây được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất:

- Dự án đầu tư thuộc “Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư” quy định tại Phần I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nghị định số 27/2003/NĐ-CP).

- Dự án đầu tư thuộc “Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn” quy định tại Mục A Phần III Phụ lục I kèm theo Nghị định số 27/2003/NĐ-CP.

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP.

1.2. Việc miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT thực hiện theo quy định tại Nghị định số 62/1998/NĐ-CP ngày 15/8/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế đầu tư theo Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh và Hợp đồng xây dựng - chuyển giao áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

1.3. Thông tư này không áp dụng đối với linh kiện, phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao cho hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, nhà xưởng trong dự án đầu tư.

2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

2.1. “Nguyên liệu sản xuất” dùng để chỉ loại nguyên liệu phải qua gia công, chế tạo, chế biến trực tiếp cấu thành sản phẩm được quy định tại Giấy phép đầu tư.

2.2. “Vật tư” dùng để chỉ vật liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo

ra sản phẩm, nhưng không trực tiếp cấu thành sản phẩm. Vật tư không bao gồm vật liệu bao gói, bao bì để hoàn chỉnh sản phẩm.

2.3. "*Linh kiện*" dùng để chỉ các chi tiết điện tử, chi tiết bán dẫn, chi tiết cơ khí nhập khẩu để lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm.

3. Điều kiện được hưởng miễn thuế nhập khẩu

3.1. Giấy phép đầu tư được cấp có quy định thuộc một trong ba trường hợp sau:

- Sản phẩm thuộc "Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư";

- Địa bàn đầu tư thuộc "Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn";

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử.

3.2. Nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu phải không thuộc "Danh mục nguyên liệu, bán thành phẩm trong nước sản xuất được" do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố hàng năm.

3.3. Đối với dự án mà Giấy phép đầu tư có quy định tỷ lệ xuất khẩu, nếu 2 năm liên tiếp doanh nghiệp không thực hiện được tỷ lệ xuất khẩu thì sẽ không được xem xét miễn thuế nhập khẩu mà chỉ được xem xét hoàn thuế nhập khẩu theo từng năm, nếu năm đó doanh nghiệp đạt được tỷ lệ xuất khẩu theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu sản

phẩm cho doanh nghiệp chế xuất thì chỉ được xem xét hoàn thuế nhập khẩu sau khi doanh nghiệp chế xuất đã xuất khẩu sản phẩm.

3.4. Trường hợp dự án thuộc "Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn" có nhiều cơ sở sản xuất tại các địa bàn khác nhau thì chỉ được miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện theo năng lực sản xuất của cơ sở đặt tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Thời điểm được tính miễn thuế nhập khẩu

Là thời điểm dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh theo xác nhận của Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư.

II. PHÂN LOẠI NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT, VẬT TƯ, LINH KIỆN ĐƯỢC MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU

1. Dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư

1.1. Sản xuất, chế biến xuất khẩu 80% sản phẩm trở lên

- Nguyên liệu sản xuất;
- Vật tư;
- Linh kiện.

1.2. Chế biến nông sản, lâm sản (trừ gỗ), thủy sản từ nguồn nguyên liệu trong nước và xuất khẩu 50% sản phẩm trở lên

- Phụ gia thực phẩm;

- Hóa chất để chế biến sản phẩm.

1.3. Sản xuất các loại giống mới có chất lượng và hiệu quả kinh tế cao

- Giống gốc của cây, con, trứng giống, hạt giống;
- Thức ăn chăn nuôi con giống;
- Thuốc thú y;
- Thuốc bảo vệ thực vật;
- Phân bón;
- Hóa chất chăm sóc cây giống, con giống;
- Chất để tạo môi trường nuôi trồng cây giống, con giống.

1.4. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản

- Giống cây, giống con, hạt giống, trứng giống;
- Thức ăn chăn nuôi;
- Thuốc thú y;
- Thuốc bảo vệ thực vật;
- Phân bón;
- Hóa chất chăm sóc cây trồng, vật nuôi;
- Chất tạo môi trường nuôi trồng cây, con.

1.5. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại màu, kim loại đặc biệt, phiêi thép, sắt xộp; luyện gang

- Phiêi thép, phiêi kim loại màu dùng để sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại màu, kim loại đặc biệt, sắt xộp;
- Quặng kim loại, quặng sắt dùng để luyện gang;

- Các loại vật tư, chất trợ dung dùng cho luyện kim;

- Chất phủ bề mặt;

- Chất chống gỉ, chất chống cháy dùng trong gia công, sản xuất.

1.6. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim; sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm; sản xuất thiết bị xử lý chất thải

- Kim loại chế tạo ở tất cả các dạng phiêi, tấm, thanh, cuộn, ống;

- Các cấu kiện, bộ phận máy móc, phụ tùng để lắp ráp tạo ra sản phẩm;

- Chất mạ, sơn các loại, chất phủ cách nhiệt, cách điện, chất hàn;

- Các chất làm bóng, chất tách khuôn, chất chống cháy;

- Linh kiện điện tử, cụm linh kiện điện tử dùng cho lắp ráp bộ phận điều khiển và các linh kiện khác để hoàn chỉnh sản phẩm.

1.7. Ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông; sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin công nghiệp kỹ thuật cao

- Kim loại chế tạo ở tất cả các dạng phiêi, tấm, thanh, cuộn, ống;

- Các cấu kiện, bộ phận máy móc, phụ tùng để lắp ráp tạo ra sản phẩm;

- Chất mạ, sơn các loại, chất phủ cách nhiệt, cách điện, chất hàn;

- Chất bán dẫn, tấm làm mạch in;

- Chất hàn, chất gắn kết, chất phủ bề mặt, các chất phụ gia;

- Chất làm vỏ sản phẩm (kim loại hoặc nhựa hạt...), dây dẫn;

- Các chất làm bóng, chất tách khuôn, chất chống cháy;

- Linh kiện điện tử, bo mạch chính, bảng mạch in, tụ điện, chip vi xử lý (CPU), chip điện tử (IC), điện trở, chiết áp, cảm biến, cáp điện, cáp tín hiệu, sợi quang dẫn, màn hiển thị và các linh kiện khác để hoàn chỉnh sản phẩm.

1.8. Sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm; ứng dụng công nghệ mới về sinh học

- Nguyên liệu ban đầu để sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm;

- Nguyên liệu sinh học, men;

- Nguyên liệu để tạo ra sản phẩm có sử dụng công nghệ sinh học;

- Hóa chất tham gia vào sản xuất;

- Chất tạo môi trường nuôi cấy.

1.9. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường, xử lý chất thải

- Hóa chất các loại để xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường;

- Nguyên liệu vi sinh để xử lý chất thải và xử lý ô nhiễm.

1.10. Sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh

- Hóa chất vô cơ, hữu cơ để sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh;

- Vi khuẩn để nuôi cấy tạo chất kháng sinh;

- Môi trường để nuôi cấy vi khuẩn;

- Chất chiết xuất từ môi trường nuôi cấy vi khuẩn.

2. Dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

Dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất và vật tư, không được miễn thuế nhập khẩu đối với linh kiện.

3. Dự án đầu tư sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử

3.1. Sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí

- Kim loại chế tạo ở tất cả các dạng phôi, tấm, thanh, cuộn, ống;

- Chất mạ, sơn các loại, chất phủ cách nhiệt, cách điện, chất hàn, hóa chất;

- Linh kiện để lắp ráp hoàn chỉnh các sản phẩm sau:

+ Động cơ, bộ phận truyền động, hộp số của máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển;

+ Linh kiện, phụ tùng của động cơ, bộ

phần truyền động, hộp số của máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển;

+ Linh kiện, phụ tùng của sản phẩm cơ khí chính xác.

3.2. Sản xuất linh kiện, phụ tùng điện

Nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu nêu dưới đây chỉ áp dụng đối với sản xuất phụ tùng, linh kiện của các thiết bị phát điện, truyền tải và phân phối điện năng (bao gồm tổ máy phát điện, thiết bị phân phối điện, thiết bị truyền tải ngành điện lực, các trạm biến áp):

- Kim loại chế tạo ở tất cả các dạng phôi, tấm, thanh, cuộn, ống;
- Hóa chất, chất mạ, sơn các loại, chất phủ cách nhiệt, cách điện, chất hàn;
- Dây kim loại dẫn điện;
- Chất làm bóng, chất tách khuôn, chất chống cháy;
- Linh kiện điện tử, cụm linh kiện điện tử, màn hình hiển thị dùng cho lắp ráp bộ phận điều khiển và hoạt động của máy móc thiết bị điện nêu trên.

3.3. Sản xuất linh kiện điện tử

- Chất bán dẫn, tấm làm mạch in;
- Chất hàn, chất gắn kết, chất phủ bề mặt, các chất phụ gia;
- Linh kiện điện tử, bo mạch chính, bảng mạch in, tụ điện, chip vi xử lý (CPU), chip điện tử (IC), điện trở, chiết áp, cảm biến, chất bán dẫn, cáp điện, cáp tín hiệu, sợi quang dẫn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Điều chỉnh, bổ sung và công bố Danh mục

Căn cứ vào điều kiện thực tế hoặc theo đề nghị của các Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Thương mại công bố việc bổ sung, điều chỉnh Danh mục nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện miễn thuế nhập khẩu đối với từng lĩnh vực đầu tư quy định tại Phần II Thông tư này.

2. Thủ tục xác nhận miễn thuế nhập khẩu

2.1. Bộ Thương mại là cơ quan xác nhận miễn thuế nhập khẩu từng năm đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện cho các doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

2.2. Hồ sơ đề nghị xác nhận miễn thuế nhập khẩu

- Công văn của doanh nghiệp kèm theo Danh mục mặt hàng nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện đề nghị xác nhận miễn thuế nhập khẩu (theo mẫu 1);
- Bản sao Giấy phép đầu tư (chỉ nộp lần đầu);
- Trích sao Giải trình kinh tế kỹ thuật đối với phần sản xuất (công suất, chi phí nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện hàng năm);
- Định mức sử dụng nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện;
- Văn bản xác nhận của Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư về thời điểm dự án bắt

đầu hoạt động sản xuất (chỉ nộp lần đầu);

- Báo cáo thực hiện nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện của năm trước (đối với dự án hoạt động từ năm thứ hai trở đi);

- Đối với dự án mà Giấy phép đầu tư có quy định tỷ lệ xuất khẩu thì ngoài các tài liệu trên, từ năm sản xuất thứ 2 trở đi doanh nghiệp phải nộp thêm xác nhận của Cục Thuế địa phương về tổng doanh thu và kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp ở năm trước đó.

2.3. Đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị miễn thuế nhập khẩu vào năm sản xuất thứ năm, ngoài hồ sơ quy định ở điểm 2.2 nêu trên, doanh nghiệp cần bổ sung Báo cáo nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện miễn thuế nhập khẩu tồn kho của năm trước.

2.4. Đối với trường hợp doanh nghiệp chưa được Bộ Thương mại xác nhận miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện từ thời điểm Nghị định số 27/2003/NĐ-CP có hiệu lực, ngoài hồ sơ quy định ở điểm 2.2 nêu trên, doanh nghiệp cần bổ sung Danh mục nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện do doanh nghiệp đã nhập khẩu (theo mẫu 2).

3. Thời hạn trả lời đề nghị xác nhận miễn thuế nhập khẩu

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Bộ Thương mại có văn bản xác nhận hoặc không xác nhận miễn thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp. Trường hợp không xác nhận, Bộ Thương

mại phải nêu rõ lý do không xác nhận trong văn bản trả lời doanh nghiệp.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Xử lý vi phạm

Doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này sẽ bị truy thu toàn bộ thuế nhập khẩu đã được miễn và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Hiệu lực thi hành

2.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

2.2. Thông tư này thay thế các quy định tại khoản b mục 1 Phần I Thông tư số 26/2001/TT-BTM ngày 04/12/2001 của Bộ Thương mại sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Thứ trưởng

Lê Danh Vĩnh

Mẫu 1

1. Tên doanh nghiệp**2. Giấy phép đầu tư**

(Ghi số GPĐT được cấp ngày... tháng... năm... và tên Cơ quan cấp phép đầu tư).

3. Thời điểm dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh

(Ghi ngày... tháng... năm... doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh theo xác nhận của Cơ quan cấp phép đầu tư).

Ví dụ: thời điểm dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh là 01/01/2004 theo văn bản xác nhận số 10 của BQL KCN tỉnh Đồng Nai).

4. Căn cứ pháp lý để được miễn thuế nhập khẩu

(Ghi dự án đầu tư của doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu theo tiêu chí nào của Nghị định số 27/2003/NĐ-CP).

Ví dụ: dự án được miễn thuế nhập khẩu do đóng tại huyện Định Quán, Đồng Nai, thuộc Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn).

5. Danh mục nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện đề nghị Bộ Thương mại xác nhận miễn thuế nhập khẩu cho năm 200... (năm sản xuất thứ...).

Số thứ tự	Tên hàng	Mã phân loại hàng hóa HS	Đơn vị tính	Nhu cầu nhập khẩu	
				Số lượng	Trị giá
1					
2					
	Tổng cộng				

Ghi chú

- Đối với doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm nhưng chỉ có một số sản phẩm thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư thì chỉ lập danh mục nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện sử dụng để sản xuất sản phẩm thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư.

- Đối với doanh nghiệp có cơ sở đóng ở nhiều địa bàn thì chỉ lập danh mục nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện sử dụng để sản xuất sản phẩm tại địa bàn đó.

- Đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị miễn thuế nhập khẩu vào năm sản xuất thứ năm thì Danh mục này chỉ bao gồm nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện đủ để sản xuất đến ngày hết thời hạn 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Mẫu 2

1. Tên doanh nghiệp**2. Giấy phép đầu tư**

(Ghi số GPĐT được cấp ngày... tháng... năm... và tên Cơ quan cấp phép đầu tư).

3. Thời điểm dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh

(Ghi ngày... tháng... năm... doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh theo xác nhận của Cơ quan cấp phép đầu tư).

Ví dụ: thời điểm dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh là 01/01/2004 theo văn bản xác nhận số 10 của BQL KCN tỉnh Đồng Nai).

4. Căn cứ pháp lý để được miễn thuế nhập khẩu

(Giải trình dự án đầu tư của doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu theo tiêu chí nào của Nghị định số 27/2003/NĐ-CP).

Ví dụ: dự án được miễn thuế nhập khẩu do đóng tại huyện Định Quán, Đồng Nai, thuộc Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn).

5. Danh mục nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện đã nhập khẩu để nghi Bộ Thương mại xác nhận miễn thuế nhập khẩu

Số thứ tự	Tên hàng đã nhập khẩu	Mã phân loại hàng hóa HS	Đơn vị tính	Số tờ khai Hải quan (ghi rõ Cục Hải quan)	Đã nhập khẩu	
					Số lượng	Trị giá
1	Mặt hàng A Tổng cộng A					
2	Mặt hàng B Tổng cộng B					
3						
	Tổng cộng					

Ghi chú: Doanh nghiệp cam đoan về việc sử dụng nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện thực tế đã nhập khẩu đúng mục đích và đúng địa điểm sản xuất theo Giấy phép đầu tư.